

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

GÓP NHẬT
CHUYÊN ĐẠO

QUYỂN IX

Soạn Giả
QUANG MINH

TÒA THÁNH
NGÀY 16 THÁNG 10
NHÂM TUẤT (1982)

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ QUANG MINH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 07/10/2012

Tâm Nguyên

Góp Nhặt **CHUYỆN ĐẠO**
SOẠN GIẢ: **QUANG MINH**

Mục Lục

LỜI TỰA	9
GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO	11
1. THÁNH GIÁO NGÀY 1-1-1972	11
• HỘ PHÁP	11
2. LÃO GIÁO THẦN BÍ HÓA	15
3. KINH KIM CANG LÀ GÌ?	18
3B. XÃ HỘI THAM DỰC BUỔI HẠ NGUỒN	21
4. ĐỨC HỘ PHÁP THẨM BẮC VIỆT	24
5. HOA SEN	25
6. ĐỊNH NGHĨA TÔN GIÁO	28
7. THÁNH LỆNH SỐ 82/HP.HN	30
8. THỂ NÀO LÀ BẢN TÂM	31
9. ĐẠO CAO ĐÀI LÀ BÌNH TỊNH THỦY	33
10. GƯƠNG CHỮA RƯỢU	35
11. ĐÀO TẠO CHỨC SẮC THIÊN PHONG	36
12. KINH DỊCH LÀ MỘT THÁNH KINH	37
13. QUẢ CÀN KHÔN BỊ CHÁY (1932)	40
14. CHÂU TRI SỐ 36	40
15. ĐÁM MA TRANG TỬ	42
16. BƯỚC QUA 7 LÒ LỬA	43
17. LONG MÃ-LINH QUI (LONG ĐỒ-QUI THU)	44
18. ẢNH HƯỞNG CỦA LỄ NHẠC	46
19. ĐÌNH PHU NHÂN	48
20. RÈN LÒNG ĐẠO ĐỨC	52

21. SỰ TÍCH CAO LÃNH	53
22. ĐÔI ĐẾ CHẾ LÀ LOẠN	56



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI TỰA

Có những câu chuyện hoặc bằng hành vi, hoặc viết bằng văn xuôi, hoặc bằng văn vần hay Thánh Giáo, nếu không ghi nhận nó bằng bút mực thì nó sẽ vì thời gian mà quên lãng rất uổng, nên tôi bắt đầu từ nay cố viết nó lại thành một tập để làm tài liệu học Đạo. Lâu lâu xem lại cũng giải khuây trong lúc nhàn rỗi.

Trên bước đường hành Đạo, tôi đã nghe nói hoặc đọc được những gì đáng ghi nhớ tôi sẽ lưu lại cho quý độc giả cùng thưởng thức, có lẽ bổ ích phần nào trên đường tu tiến của chúng ta. Nhất là những lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp nó làm kim chỉ nam để chúng ta nhắm cho đúng đường mà lập công bồi đức trao giới tâm hồn hầu làm phương châm thoát tục.

Khởi viết tại Tòa Thánh ngày 16-7-Canh Thân (1980)

QUANG MINH

GÓP NHẬP CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN IX

1. THÁNH GIÁO NGÀY 1-1-1972

Đền Thánh 20 giờ ngày rằm tháng 11 năm Tân Hợi

Phò loan: Hiến Pháp, Khai Đạo

HỘ PHÁP

Chào mừng Hội Thánh, chư Chức Sắc Nam Nữ, chư quý quan khách. Đã từ lâu không có dịp gặp nhau, nay Bản Đạo rất hoan hỷ.

Bản Đạo sẽ lấy hết công tâm và lòng thương yêu mà ân thưởng cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Phước Thiện. Đọc danh sách Chức Sắc Hiệp Thiên Đài.

- Nguyễn Văn Hợi: Cải Trạng thăng Chương Ẩn.
- Nguyễn Hữu Lợi: Giám Đạo thăng Cải Trạng.
- Nguyễn Văn Kiệt: Giám Đạo thăng Cải Trạng.
- Võ Thành Quốc: Truyền Trạng thăng Thừa Sứ.
- Nguyễn Văn Hiếu: Truyền Trạng. Cười...

Bản Đạo cho quý bạn biết rằng, Hiếu không phải Chức Sắc Hiệp Thiên Đài. Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm đã chọn Hiếu từ lâu để hành sự có hiệu quả hơn bên hành chánh, nên Bản Đạo đồng ý cho Đức Lý sử dụng.

- Lê Quang Tấn: Truyền Trạng thăng Thừa Sứ.
- Lê Minh Khuyên: Truyền Trạng thăng Thừa Sứ.

– Trương Ngọc Anh: Truyền Trạng thăng Thừa Sử nhưng phải cố gắng thêm.

– Trần Văn Ngôn: Truyền Trạng thăng Thừa Sử cũng như Trương Ngọc Anh.

– Nguyễn Minh Nhựt tự Trân: Sĩ Tả đặc cách phong Thừa Sử.

– Bùi Quang Cao: Sĩ Tả thăng Truyền Trạng.

– Trần Thanh Danh: Sĩ Tả thăng Truyền Trạng.

– Lê Thị Liêm: Sĩ Tả thăng Truyền Trạng.

Đọc danh sách 15 vị Luật Sự, thăng Sĩ Tả tất cả.

Ngài Hiến Đạo bạch: Xin Đức Ngài đặc cách cầu thăng cho phẩm Hành Thiện.

– Chấp nhận nhưng yêu cầu các bạn kiểm soát lại cho kỹ.

– Xin Đức Ngài phân định cho chư Hành Thiện thâm niên công nghiệp.

– Giáo Thiện mà thôi.

– Xin dâng danh sách Hành Thiện cầu xin Đức Ngài phân định.

– Được nhưng phải coi lại các chi tiết để tránh bất công.

– Xin Đức Ngài chỉ giáo cho ai cứu xét hồ sơ Hành Thiện?

– Nhị vị Bảo Đạo và Hiến Đạo.

Đọc danh sách 30 vị Giáo Thiện Nam Phái cầu thăng Chí Thiện.

– Tất cả đều thăng Chí Thiện, nhưng phải kiểm điểm những vị tuổi cao và thiếu khả năng hành Đạo.

Đọc danh sách 22 vị Giáo Thiện Nữ Phái cầu thăng Chí Thiện.

– Cũng thăng nhứt phẩm, nhưng cũng coi lại tuổi và khả năng.

Đọc danh sách 2 vị Chí Thiện Nam Phái cầu thăng Đạo Nhơn.

– Thăng nhứt cấp.

Đọc danh sách 3 vị Chí Thiện Nữ Phái cầu thăng Đạo Nhơn.

– Thăng nhứt cấp.

Đọc danh sách 8 vị Đạo Nhơn Nam Phái thăng Chơn Nhơn.

– Thăng nhứt cấp.

Đọc danh sách 3 vị Đạo Nhơn Nữ Phái cầu thăng Chơn Nhơn.

– Thăng cấp.

Đọc danh sách 5 vị Chơn Nhơn Nam Phái và 1 vị Chơn Nhơn Nữ Phái cầu thăng Hiền Nhơn.

– Vì chức tước này rất quan trọng nên phải đình lại một thời gian, Bản Đạo sẽ cho biết sau.

Ngài Hiến Đạo bạch về việc cứu xét danh sách Hành Thiện.

– Xét kỹ càng hay.

Đọc danh sách Chức Sắc, Chức Việc Bộ Nhạc gồm

6 vị.

– Thăng nhứt cấp.

– Có 3 vị Nhạc Sư vì quá khiêm nhượng nên không dám xin cầu thăng.

– Không dám thì thôi, đừng ép ai hết.

– Cầu xin Đức Ngài phong vị chánh thức cho 3 vị Bảo Quân.

Trương Kế An đặc phong Bảo Y Quân.

Nguyễn Văn Lộc phong Bảo Học Quân.

Đặng Văn Dần phong Bảo Nông Quân.

Cầu xin Đức Ngài chỉ Giáo về sự đổi phẩm và tiểu phục của chư vị Bảo Quân.

– Đổi phẩm với Phối Sư, Tiểu Phục cũng sửa lại, có một thiên nhân như Hộ Đàn.

– Xin Đức Ngài chỉ định cho chư vị Bảo Quân đứng chỗ nào?

– Bảo Quân đứng hai bên tả hữu, dưới cấp bậc của Hiệp Thiên Đài, như có một thì đứng bên Chi Thế.

– Xin Đức Ngài chỉ định về Ngày Đạo Hận?

– Thời nào theo nấy, khi Bản Đạo còn mang phàm thể thì cũng oán ghét như ai nên mới có Ngày Đạo Hận. Nhưng khi về Thiêng Liêng vị thì cõi mở tất cả, chớ để hận thù làm gì trong cửa Đạo.

Bản Đạo ban khen cho Khai Đạo có sáng kiến biến ngày ấy thành một ngày giỗ chung. Hay lắm-!

Ngài Bảo Đạo bạch: Cầu xin Đức Ngài cho phép

thâu hồi Thánh Lịnh Ngày Đạo Hận.

– Chấp thuận.

– Vụ Trí Giác Cung, xin Ngài định phải lập đàn cơ ở đâu?

– Việc đó Bản Đạo đã chấp thuận lời yêu cầu của bạn rồi, bây giờ nghĩ sao?

– Xin Đức Ngài cho biết nên lập đàn ở Giáo Tông Đường hay là ở Cung Đạo.

– Lập đàn Cung Đạo, nhưng phải mời tất cả Hội Thánh Lương Đài và Chức Sắc, Chức Việc hữu trách tại Trí Huệ Cung đi nghe Bản Đạo giải thích.

Bản Đạo ban ân cho quý bạn và nhượng cơ cho Đức Lý.

THẮNG

2. LÃO GIÁO THÂN BÍ HÓA

Triết học của Lão Giáo là một nền triết học dựa trên vô cực hay Đạo. Vốn là cái lý thuộc về hình như thượng, không có hình tướng, chỉ có thể nhận thức chứ không thể giải bày cho nên rất khó hiểu, ít người sở đắc.

Cũng thời học Lão mà chỉ có Trang Tử và Liệt Tử còn giữ được cái học Đạo tâm, nội truyền của Lão Tử. Kỳ dư vì không thâm đạt cái lý vô vi thanh tĩnh của Đạo học, chỉ lãnh hơi cái học cạnh cọt của phần ngoại truyền nên làm cho Lão Giáo sai lạc, biến thành cái học yếm thế quyền mưu, thần bí, chính đó là những nguyên nhân khiến Lão Giáo thất truyền, dưỡng thành những trào lưu tứ tượng thối đạo.

Tư Tưởng Yếm Thế: Do những cảnh loạn lạc thường xảy ra trong đời Chiến Quốc, Tần, Hán, Tam Quốc, Lục Triều, làm cho muôn dân đồ thán, xã hội đảo điên mà lòng người đâm ra hoang mang, mất cả tin tưởng. Học thuyết vô vi của Lão Tử do đó biến thành cái học tiêu cực, không tưởng, chán đời, trốn thế.

Tư Tưởng Hình Danh: Lợi dụng cái học nhập thế của Lão Tử đem thi thiết vào việc trị dân, những nhà quyền mưu, tức những nhà chủ trương dùng binh pháp thay vì nhân cách. Đại biểu cho tư tưởng này phải kể Hàn Phi Tử và những nhà biện thuyết cùng tung hoành gia là những người chịu rất nhiều ảnh hưởng của Lão Tử.

Tư Tưởng Túng Lạc: Trước cảnh loạn lạc khốn nạn, thay vì chán nản ghét đời, tìm nơi ẩn dật, có một hạng người đâm ra phóng túng, trẫm mình trong khoái lạc truy hoang. Đại biểu cho tư phái này là nhà triết học Dương Châu, một môn đồ Lão Giáo chủ trương thuyết vị ngã xỉn minh, cái tinh thần tòng lạc cá nhân, không thiết gì đến nhưn quần xã hội.

Tư Tưởng Thần Bí: Thường thường đứng trước một cảnh ngộ áp bức nào mà sức hèn không thể chống trả lại bạo lực thì cái sức phản ứng nội tâm hay dắt dẫn con người đi đến chỗ thần bí. Chính đó là nguyên nhân khiến cho thuyết thanh tịnh vô vi của Lão, Trang biến thành những thuật **Thần Tiên Phương Sĩ**, tựu trung có thể phân là 4 phái sau đây:

1.- Phái Huyền Lý: Trong đời Tam Quốc và lục triều, các học giả đều khuynh hướng về thuyết hư vô của Lão, Trang, xem thường lễ phép, thích giao du, uống rượu, khai đàn, đàm luận về huyền bí, gây thành một phong trào gọi

là Thanh Đàm.

Đời Ngụy có Hà Ân và Vương Bạc là hai nhà văn tổ thuật về Lão, Trang. Hà Ân sáng tác Đạo Đức Luận và Văn Phú mấy mươi Thiên Vương Bạc tinh thâm về huyền học, chú thích Kinh Dịch và Lão Tử có tiếng trong đời. Đời Tấn có bọn Kế Khương, Sơn Đảo, Nguyễn Tịch, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, Hướng Tú, Lưu Linh mà người đời gọi là Trúc Lâm Thất Hiền, thường quần tụ nhau lấy đàn rượu làm vui, ngâm thơ vịnh phú; đàm luận triết lý của Lão Trang lánh chốn lục trần, chẳng màng danh lợi.

2.– Phái Đơn Đỉnh: Nguyên hồi đời Tấn Thủy Hoàng có Hầu Tiên và Lô Sanh xướng lên thuyết Thần Tiên và cách luyện đơn nấu thuốc. Nghe nói đến thuốc trường sanh Thủy Hoàng lấy làm thích bèn sai hai người đi tìm. Hầu Tiên và Lô Sanh lên núi Lặng Vân, xây đỉnh nấu đơn, còn lưu lại nhiều di tích như Đái Phi Thăng, giếng luyện thuốc...

3.– Phái Phù Lục: Khác hơn phái đơn đỉnh, sở trường về thuật luyện phù chú. Phái này thịnh hành vào cuối đời Hán.

Nhà Ngô có Vu Kiệt lập tịnh xá ở đất Ngô Hội đốt hương đọc sách Đạo. Cứ theo hậu hán thơ thì Kiệt có được tại tuổi Khúc Phu 170 quyển Thần Thư, nhan đề Thái Bình Thanh Tịnh thơ mà các Đạo gia gọi là Thái Bình Kinh, trong đó dạy về âm dương ngũ hành cùng phép bói độn kỳ đảo. Kiệt theo đó luyện phép phù thủy trị bệnh người theo rất đông.

Về sau Kiệt bị Tôn Sách giết...

4.– Phái Chiêm Nghiệm: Là phái chuyên về phương

thuật, chiêm tinh, bói quẻ, giỏi thuật âm dương ngũ hành, xem tướng luận mạng đoán việc kiết hung. Hậu Hán Thơ cho biết có 33 người trứ danh đại khái như Dục Phong, Ty Hoàng, Hồ Hương, Trương Hoàn, Cung Thắng, Khương Hoàn, Lang Hạo, Thái Ung, Dương Hậu, Phi Trường Phòng, Quân Lộ, Tả Tứ...

Ấy đó, Lão Giáo đến đời Tam Quốc, Lục Triều, đã biến thành cái học của hạng phượng sĩ, thuật số, luyện thuốc trường sinh, mất cả tinh thần vô vi thanh tĩnh của triết lý Lão-Trang...

(Trích trang 128-134 Đồi Hạ Nguyên của Vương Kim)

3. KINH KIM CANG LÀ GÌ?

Văn Thù Bồ Tát bạch Phật: “Sao gọi là kinh Kim Cang?”

Đức Thế Tôn nói: “Kim Cang là thí dụ tánh của mình, còn Kinh thí dụ tâm của mình; nếu người rõ tâm mình, thấy tánh mình, người nầy tự trọng thân mình có Kinh trên 6 căn thường hiện ra hào quang sáng suốt, chói lòa trời đất, đầy đủ công đức như số cát sông Hằng, sanh ra tứ quả tứ hướng Thập Thánh, Tam Hiền, nhãn đến 32 tướng của Đức Như Lai và 80 việc tốt hết thấy công đức đều tự mình do tâm địa mà ra chớ không phải tìm nơi ngoài mà đượ.

Tại sao? – Nếu có người minh tâm kiến tánh thường nghe tâm phật của mình, thường thường nói Pháp, thường thường độ chúng sanh, thường thường hiển thân thông, thường thường làm việc Phật, hiểu được lý như vậy mới gọi là thọ trì Kinh Kim Cang mới gọi là Kim Cang bất

hoại thân.

Vấn Thủ Bồ Tát hỏi Phật: Trong Kinh Kim Cang Đức Phật thường khen ngôi thọ trì 4 câu kệ v.v...giảng nói cho người khác nghe thì phước đức ấy còn hơn là đem 7 báu chất đầy Đông Tây Nam Bắc, 4 phía trên dưới hư không ra bố thí, lại hơn phước ngày đầu, ngày giữa, ngày sau nhần đến trăm nghìn ngàn kiếp đem thân mang như số cát sông Hằng mà bố thí. Chưa biết thế nào là 4 câu kệ chẳng?

– Phật nói: Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, xưa nay chẳng sanh, xưa nay chẳng diệt, bởi vì mê ngộ nên có thăng trầm.

Tại sao? – Chúng sanh thường mê không giác ngộ cho nên nhiều kiếp đọa lạc. Chư Phật thường giác ngộ, chẳng mê nên đặng thành Phật Đạo. Nếu có trai lành gái tín học hỏi Phật công trình vào Đạo, chia làm 4 việc gọi là câu kệ:

- 1.– Không thân,
- 2.– Không tâm,
- 3.– Không tánh,
- 4.– Không Pháp.

Sao gọi là không thân?-Vì thân nầy do cha mẹ sanh ra, đầy đủ khí huyết của cha mẹ, chính khiếu thương chảy những vật không sạch, bốn đại giả hiệp, sau rồi cũng tan rã, như gã trai lành gái tín, có trí huệ biết thân nầy là giả thì khi chưa chết, tưởng như thân nầy đã chết, mượn thân giả nầy mà học Phật tu hành gọi là “*sắc không*” câu kệ thứ nhứt.

Thường quan sát tâm của mình, chẳng sanh chẳng diệt, chí thánh, chí linh, gặp cảnh như là có, cảnh qua rồi như là không, nay biết được chân tâm, thường giác chẳng mê, chẳng theo vọng tưởng kéo dặt, chỉ nương chân tánh làm chủ gọi là ngộ “*Tâm Không*” câu kệ thứ nhì.

Lại quan sát tánh của mình, thường lặng yên không lay động, nếu cảm đến thường thông suốt, biến hóa vô cùng, uy linh khó nghĩ, sáng suốt lâu lâu, tự mình giác ngộ, hiểu biết Thiêng Liêng, vắng lặng vô vi mà không ngoài hữu vi gọi là ngộ “*Tánh Không*” câu kệ thứ ba.

Lại quan sát Đức Như Lai giảng nói Kinh Pháp đều là phương tiện dẫn dắt chúng sanh vào cửa Pháp, như nước rửa bụi, như bệnh gặp thuốc, nay chúng được tâm không, pháp không như bệnh mạnh thì thuốc không dùng nữa, gọi là ngộ “*Pháp Không*” câu kệ thứ tư.

Nghĩa của bốn câu kệ này là con đường vào Đạo, siêu phàm nhập Thánh, các Đức Như Lai ba đời cũng do con đường này mà đi đến quả vị cứu cánh.

Tại sao?-Nếu ngộ đặng ý câu kệ thứ nhứt y theo nghĩa để tu hành thì chứng đặng quả Dự Lưu Tu Đà Hoàn; ngộ đặng ý câu kệ thứ hai, y theo nghĩa mà tu hành thì chứng đặng quả “*Như Lai Tu Đà Hàm*”.

Ngộ đặng ý câu kệ thứ ba, y theo nghĩa mà tu hành thì chứng đặng quả Bất Lai A-Na Hàm. Ngộ đặng ý câu kệ thứ tư, y theo nghĩa mà tu hành thì chứng đặng quả Vô Sanh A La Hán.

Bốn câu kệ này là mở rộng cửa Đạo của các Đức Phật, nếu thọ trì đọc tụng vì người giảng nói khiến người nghe ngộ được tư kiến của Phật, quyết định thành Phật,

không nghi ngại, nên phước đức nầy lớn hơn trăm ngàn ức phần mà phước đức đem bảy báu thân mạng bố thí trước kia không được một phần. Đức Phật bảo ông Văn Thù Sư Lợi rằng: “*Phật trước, Phật sau cũng đồng một thể, đều tại mỗi người mình tâm kiến tánh mà thành công đức quả, vì Phật tánh người sẵn có, nếu không y theo Phật tu hành thì chẳng đặng thành Phật*”.

(Trích trang 4-8. Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận do Linh Quang Tịnh Xá ấn tống năm 1962)

3B. XÃ HỘI THAM DỰC BUỒI HẠ NGUƠN

Thời kỳ Hạ Nguơn là thời kỳ đen tối xấu xa nhất, bởi đây là một giai đoạn cuối cùng của Tam Nguơn, cũng như phần cặn cáo còn đọng lại trong lu nước.

Giữa thời kỳ Thượng Nguơn Thượng và thời kỳ Thượng Nguơn Hạ là sự cách biệt giữa hai thái cực, giữa hai cái đối lập của trắng với đen, của cái cực kỳ thanh cao với cái cực kỳ ô trược. Cứ nhìn vào cuộc đời của con người Thượng Nguơn rồi đem cái trái ngược đối chiếu lại, chúng ta có được cuộc đời của con người Hạ Nguơn Hạ.

Như đã thấy, khi thế giới chúng sanh mới thành lập, con người từ trên các cõi Thượng Giới hóa sanh xuống Hạ Giới. Ban sơ hình thể còn khinh thanh, tâm tánh còn hòa hợp với thiên nhiên nên có đủ các phép thần thông tự tại. Giữa người với người, chẳng cần dùng ngôn ngữ cũng có thể thông cảm nhau bằng những luồng tư tưởng. Nhờ vậy họ sống thuần tịnh và hoàn toàn hướng về nội thức.

Nhưng con người huyền linh ấy, vì đắm mê vật dục mà một ngày một trở nên trọc trược. Cứ theo Kinh Bi

Hoa thì từ 8 vạn tuổi ở đầu Thượng Ngươn giảm xuống còn 3 vạn tuổi, con người chưa nhiễm trược, nhưng bắt đầu từ 2 vạn tuổi trở đi thì con người không còn khinh thanh nữa mà nhiễm phải 5 điều trược:

1.– Kiếp trược: là thời kỳ khi tuổi thọ giảm xuống còn 2 muôn thì kiếp sống con người trở nên không an do 4 thứ trược sau đây nhiễm loạn.

2.– Kiến trược là sự nhận định xét nghĩa như dục. Bước vào thời kỳ kiếp trược thì trí óc con người trở nên mờ mịt do 5 thứ lợi sử khởi lên:

- a. Thân Kiến: là chấp thân mình thật có.
- b. Biên Kiến: là chấp thân hằng còn hay chẳng còn sau khi chết.
- c. Tà Kiến: là chấp chẳng có luật nhân quả.
- d. Kiến thủ kiến: là chấp mình hơn người.
- e. Giới cấm thủ: là chấp lấy cách giữ giới thái quá của các Đạo tà.

3.– Phiền não trược là tâm điểm trở nên vẫn đục do 5 thứ đon sau đây làm mê mờ:

- a. Tham lam
- b. Giận hờn
- c. Mê si
- d. Kiêu mạng phách lối
- e. Nghi ngờ với các thiện pháp.

4.– Chúng sanh trược là con người vì kiên trược và phiền não trược hoặc loạn mà thành ra tâm độn thể nhược, chiêu cảm lấy quả báo xấu xa, thân hình thô kệch, phước ít khổ nhiều.

5.- Mạng trước là mạng sống càng ngày càng bản thiếu, tuổi thọ cứ giảm xuống mãi.

Ban sơ khi mới bước vào kiếp trước ở cuối buổi Thượng Nguơn, sự nhiễm trước còn nhẹ, nhưng dần dần theo thời gian sự nhiễm trước càng tăng tiến lên mãi đến buổi Hạ Nguơn thì cái mực độ của nó vượt lên đến chỗ cao tột. Sự nhiễm trước mà con người Hạ Nguơn ví không khác vì một hồ nước chất chứa lâu đời. Ban đầu thì nước chưa đục, nhưng trải qua thời gian, phần nào lớp nước trong ở trên mặt được mức bớt đi, phần nào rác rến mỗi ngày càng tích tụ thêm, thành thử trong hồ chỉ còn những đồ trọng trước.

Bởi quá trọng trước, trước cả thân thể lẫn tâm thức, nên con người Hạ Nguơn mất hết bản tánh huyền linh mà con người Thượng Nguơn Thượng có. Cuộc đời ngũ trước cứ xô đẩy mãi họ xuống hố vật dục. Rồi để thỏa mãn những khác vọng về danh, lợi, tình họ đuổi miết theo đà vật dục và càng đẩy mạnh bánh xe vật dục lăn mau.

Đứng trên chiếc xe vật dục đang lăn trước mắt họ chỉ thấy có vật dục và cứu cánh của cuộc đời đối với họ cũng chỉ qui hướng về một mục đích là tìm cầu và làm phát triển mọi khoái cảm về xác thịt. Thế là đời sống của họ nghiêng về vật chất, khác hơn người Thượng Nguơn sống hoàn toàn về tinh thần.

Cứ theo đó thì vấn đề tâm và vật đã viễn tiến song đôi với quá trình phát triển của Tam Nguơn. Thượng Nguơn là thời kỳ phát triển về tâm. Trung nguơn là thời kỳ phát triển về tâm lẫn vật. Còn Hạ Nguơn là thời kỳ hoàn toàn phát triển về vật.

Thật ra thì vật chất đoạt lấy địa vị độc tôn và ngự trị trên đời sống và tâm hồn con người là bắt đầu từ thời kỳ Hạ Nguơn là thời kỳ phát minh ra máy móc và khoa học.

(Trích trang 143-146 Đồi Hạ Nguơn của Vương Kim)

4. ĐỨC HỘ PHÁP THĂM BẮC VIỆT

Năm 1950, Đức Hộ Pháp ra Bắc để viếng đồng bào ngoài ấy. Ngài có làm bài thi trong báo Đại Đoàn Kết như sau:

*Non nước hôn thiêng đã tỉnh dân,
Xuân Thu xưa, nay đổi Thu Xuân.
Nam Phong đỡ vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đánh nghiệp Tần.
Bác ái là đề thi tiến hóa,
Nghĩa nhân ân mục định duy tân.
Thiên thời địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa nhân để hiệp quần.*

TÂY SƠN ĐẠO

PHỤNG HỌA

*Húng giọt hồng ân định địa dân,
Vẻ tươi quốc sử bốn ngàn xuân.
Phân tranh kẻ muốn dùng oai kiệt,
Đoàn kết ta toan diệt bạo Tần.
Thoát khổ sẵn chờ thuyền Bát Nhã,
Tạo đời há thiếu mặt hùng tân.
Trời Nam gặp hội nâng hôn nước,
Chung sức nêu cao nghĩa ái quần.*

CAO TIẾP ĐẠO

HỌANG NGUYỄN VẬN

(Liếc mắt nhìn thời cuộc)

*Hội nghị bao phen mắt tỏ dần,
Mặc dầu súng nổ suốt năm xuân.
Dân đen trốn nhủi vì bệnh Sô,
Chánh phủ lo ngăn giết giặc Tân.
Tàu bán đồng bào rằng kiến thiết,
Tây dè dân tộc gọi canh tân.
Riêng ta người Việt ra tranh đấu,
Độc lập chờ ta biết hợp quần.*

LẠC LAN BẮC VIỆT

5. HOA SEN

Vua Lê Thánh Tông có làm bài thi Hoa Sen và được ông Ngô Tất Tố giải thích như sau:

*Chẳng bợn chí trần mãi mãi hơi,
Luận bề thanh quý tốt xa vời.
Nón nà sắc nước, nhờ duyên nước,
Ngào ngạt hương trời nức dậm trời.
Gấm chúc dong tơ, khuấy củi mắc,
Gương Hằng ngấm bóng, ngại trăm cài.
Dao Trì lần thấy chiếu đi rước,
Hơn hồ Thai Minh vận Thái Giai. (1)*

.....

(1) Thai Minh là sao Thai sáng sửa, Thái Giai là tên của sao Tam Thái, ý nói thiên hạ thái bình.

Bài này tả vẻ đẹp quý giá của hoa sen. Ý nói hoa

sen tuy ở trong bùn nhưng vẫn không bợn mái dơ bụi. Nói về phẩm giá thanh quý, thì nó là tột vời. Sắc đẹp của nó có thể coi là sắc nước lại nhờ quyền nước mà thêm nõn nà. Hương thơm của nó có thể ví với hương trời, làm cho đường trời cũng phải ngào ngạt, có lẽ Á Chức trong khi dong tơi dật gắm sẽ ghen với nó mà quên công việc mắc cửi. Chị Hằng trong khi soi gương sẽ tưởng nó là cái trâm cài đầu rơi xuống mà phải ngại ngùng và thu bông lại. Vì vậy đứng ở trên ao mà ngắm người ta phải tưởng như cuộc đi rước bà Tiên Vương Mẫu ở Dao Trì, hoặc ngõ các sao Thai của ngôi Thái Giai đương hớn hở phung ra ánh sáng để báo điềm thái bình.

(Trích trang 32-34 Thi Văn Bình Chú của Ngô Tất Tố)

Trong cửa Đạo Cao Đài, Bà Bát Nương Diêu Trì Cung tiết lộ rằng Bà Là Hớn Liên Bạch, tức là Hoa Sen trắng có giáng sanh ở đời nhà Hớn. Bà có làm nhiều thi tả Hoa Sen như bài sau đây:

*“Sen” trắng vóc tinh vi đánh Hớn,
Nương tiết trong soi sáng tài hoa,
Để lời nhũ bạn quần thoa,
Kiên trinh liệt nữ, phẩm nhà chớ quên.*

*Hồ Hớn hoa sen trắng nở Ngài,
Càng gần hơi đẹp lại càng say.
Trêu trắng hằng thối dấu mây,*

Cột mây tranh chúc Phật Đài thêu hoa.

*Bạch Liên sen nở xin tươi,
Chưa khỏi mĩa mai bởi miệng đời.
Thiên hương quốc sắc tươi cười,
Cung Tiên vẹn giữ một màu thiên nhiên.
(Đây là câu đố thay nơi Văn Minh Điện)*

Bát Nương cho Bà Hương Ngô bài thi này:

*HỒN Hồ chia cách tục cùng Tiên,
LIÊN đóa trà mi ý diệu hiển.
BACH hạc đang chờ duyên hạnh NGỘ,
GIÁNG đàn chỉ nẻo dạ nào yên.*

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có cho bài Sen ở Kim Biên ngày 30 Juillet 1927:

*SEN tuy ở tục chẳng như phàm,
Danh chẳng mê mà lợi chẳng ham.
Lòn lỏi cho qua cùng thế sự,
Nhãn tâm bớt bớt tánh cương đàm.*

Ngài Bảo Văn Pháp Quân có bài tứ cú tả hoa sen và trăng thanh như vậy:

*Bạch Liên hữu nhụy chiêu hương khách,
Thanh nguyệt hê quang dụ quý quân.
Trăng thanh dục bước du nhân,*

Hoa thơm luyến khách vấy đoàn chi lan.

Mỹ Ngọc

Chúng tôi có tặng cho cô Kim Liên ở Thủ Đức, làm việc ở Ngành Hồ hảng Dệt Lương Phương Công Ty một bài thi như vậy:

*Tuy mọc đâm ao lấm bụi hồng,
Có ngày lên lộ ngự thông dong.
Hương xông bát ngát bên bàn Phật,
Lan, cúc, đào, mai khó sánh cùng.*

QUANG MINH

6. ĐỊNH NGHĨA TÔN GIÁO

Chữ Tôn Giáo, tiếng Pháp gọi là Religion do chữ Religien ở tiếng La Tinh mà ra, có ý nghĩa chú ý hoặc tôn kính. Theo sự nhận định chung của phần đông học giả, khi nói đến Tôn Giáo, tức chỉ cho những đoàn thể có ít nhiều tổ chức về hình thức lễ nghi có tính cách biểu sự liên lạc giữa con người và thần linh trùng với ý nghĩa sợ sệt và tôn kính. Ngoài ra có giải thích chữ tôn Giáo có ý chỉ những Giáo điều.

Vậy tôn Giáo cụ thể nội dung gồm có hai điều kiện:

– **Tin có thần:** Nghĩa là Tôn Giáo chủ trương rằng vũ trụ có một vị Thần tuyệt đối (nhất Thần Giáo) hay nhiều vị Thần (đa Thần Giáo) Thiêng Liêng toàn tri toàn năng sinh hóa sự vật, quản trị sự vật.

– **Tín điều:** Nghĩa là tôn Giáo chủ trương tính chất công năng của vị Thần ấy như thế nào đã có Thánh

Kinh giải thích rõ ràng. Người ta chỉ được phép tin theo chỗ không có quyền phê phán gì hơn nữa. Vì người nào muốn hưởng hạnh phúc cùng ở chung một cõi Trời với vị Thần ấy cũng phải tin theo tín điều của tôn giáo chứ không có cách gì khác.

(Trích trang 33 Thế Giới Quan Phật Giáo của Thích Mật Thể)

Theo sự hiểu biết của chúng tôi thì muốn mệnh danh là một tôn giáo cần phải hội đủ 3 điều kiện yếu thiết là: Luật, Pháp, Kinh.

Như Công Giáo có Luật, có Sấm Truyền là La Bible và Kinh nên được gọi là Tôn giáo. Đạo Phật cũng có Luật, Pháp, Kinh.

Còn Đạo Cao Đài?

- 1.- Luật thì có Tân Luật và Luật Lệ Hội Thánh.
- 2.- Pháp thì có Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.
- 3.- Kinh thì có Tân Kinh.

Nên Đạo Cao Đài chánh thức là một tôn giáo. Không ai có thể xuyên tạc nó là một đảng phái hay một hiệp hội tín ngưỡng, hay một nhóm làm chánh trị v.v...

Hơn nữa tôn Giáo phải có phần hình nhi hạ và hình nhi thượng, tức là phải lo cho phần Thế Đạo và phần Thiên Đạo. Phần Thiên Đạo phải có cơ quan siêu phàm nhập Thánh tức là bí pháp. Những phép giải oan, tắm Thánh, độ thăng của Đạo Cao Đài chứng minh rằng nó là một tôn Giáo hẳn hoi, có đủ điều kiện Luật, Pháp, Kinh và hư vô tịch diệt.

Đức Chí Tôn đem cơ siêu thoát để tại mặt thế gian này là Hội Yến Diêu Trì tổ chức mỗi năm vào rằm tháng tám âm lịch. Mục đích người tu, đầu tu theo tôn Giáo nào cũng mong linh hồn được siêu thoát tức là Đắc Đạo. Nếu không thiên phần siêu thoát không được gọi là tôn Giáo vậy.

7. THÁNH LỊNH SỐ 82/HP.HN

Hộ Pháp Đường	Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Văn Phòng	<i>Tam Thập Nhứt Niên</i>
Số: 82/HP.HN	Tòa Thánh Tây Ninh

.....

Hộ Pháp, Chương Quân Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Gởi cho: Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài.

Hiền Huynh,

Về vụ Giáo Sư Mỹ, Bản Đạo muốn chuyển là vì lý do cả toàn Đạo không còn tín nhiệm nữa. Họ cho là bất lực, trong lúc Quân Đội thanh trừng, người không có mai mai chi đủ can đảm binh vực quyền lợi của họ. Theo ý Bản Đạo thì những kẻ mà cả con cái Đức Chí Tôn đã lên án bất lực thì Hội Thánh chẳng nên cho họ cầm quyền của Đạo nữa. Ấy vậy phải thay mới từ Khâm Thành, Đầu Phận, Đầu Hương Đạo y như lời Bản Đạo đã căn dặn.

Còn về vụ của Giáo Hữu Cảnh, bởi lẽ Hương Nương là Giáo Sư Nữ Phái đã làm Phó Khâm Thành, nên chẳng lẽ giao quyền Phó Khâm Thành lại cho Cảnh, nên Bản Đạo để cho làm Tổng Thư Viện (tổng dấu hỏi chớ không

phải dấu sắc). Nếu tiếng Tổng Thơ Viên ấy có trùng lại với Tổng Thơ Viên thì để cho làm Tổng Bí Thư, như thế thì khỏi lộn gì hết.

Hiền Huỳnh hội các cơ quan chánh trị Đạo và Phước Thiện, cả hai Hội Thánh đặng quyền tuyển chọn Chức Sắc Thiên Phong mới đặng thay thế cho toàn hết thầy các người cũ, luôn cả về Châu, về Tộc Đạo. Căn dặn Hội Thánh Phước Thiện phải chỉnh đốn Thập Nhị Gia Liên Bảo lại cho tiêm tất. Lựa chọn Hành Thiện thuyền bố cho đồng đều cả vùng Thánh địa, Thi hành triệt để Thánh Lệnh của Bản Đạo về Thập Nhị Gia Liên Bảo.

Phải thông tri bức thư của Bản Đạo đây cho toàn cả Hội Thánh đều biết và thi hành thế nào, phúc sự cho Bản Đạo hiểu rõ.

Kiểm Biên, ngày 19-7-Bính Thân (24-8-1956)

HỘI PHÁP

(Ký tên đóng dấu)

8. THẾ NÀO LÀ BẢN TÂM

Tượng Sơn nói: *“Trắc ẩn là cái mối của nhân, tỵ ố là cái mối của nghĩa, tứ nhượng là cái mối của lễ, thị phi là cái mối của trí, ấy là bản tâm”*.

Từ Hồ nói: *“Giản lúc trẻ đã hiểu được điều đó rồi, nhưng vẫn không hiểu thế nào là bản tâm”*. Sau hỏi mấy lần nữa Tượng Sơn cứ nói như trước. Từ Hồ vẫn không hiểu. Bỗng có người bán quạt vào kiệן ở Huyện. Từ Hồ lấy lễ phải trái phân giải xong rồi lại hỏi Tượng Sơn thế nào là bản tâm. Tượng Sơn nói: *“Vừa rồi nghe xử vụ người bán quạt, cái phải thì biết là phải, cái trái thì biết là trái ấy”*

là cái bản tâm của kính trọng đó”. Từ Hồ đột nhiên tỉnh ngộ, làm lễ xin làm đệ tử.

Sau Từ Hồ thường nói với người ta rằng: “*Giản hỏi cái bản tâm, tiên sinh lấy việc phải trái của người bán quạt mà đáp lại, Giản đột nhiên hiểu cái tâm không có đầu có đuôi, không có chỗ nào là tâm ấy không suốt*”.

Dương Từ Hồ có làm ra 2 quyển sách gọi là Kỳ dịch và Khải Tế. Trong quyển Kỳ Dịch ông giải rõ nghĩa câu: “*Vũ trụ tiện thị ngô tâm*” của Lục Tương Sơn. Ông nói rằng: “*Vũ trụ không ngoài được cái tâm của ta, cho nên sự biến hóa của những hiện tượng ở trong vũ trụ cũng là sự biến hóa ở trong tâm ta vậy. Vậy thì Dịch là mình ta, chớ không phải cái gì khác. Lấy Dịch làm quyển sách, không lấy Dịch làm thân mình là không phải. Trời đất là trời đất của ta, biến hóa là biến hóa của ta, chớ không phải là vật nào khác.*”

Cái tính là trùng thiên thanh minh mà không phải là vật, động nhiên không có bờ mà không phải là lượng. Trời là cái tượng của tính ta, đất là cái hình của tính ta, cho nên nói rằng: Ở trời thành tượng, ở đất thành hình đều ở sự ta làm ra cả. Hỗn hợp không có trong ngoài, quán thông không có khác loài giống.

Cái tâm của trời đất quả có thấy được không? Quả động không? Quả chưa động không? Chỉ tại chưa xét đó mà thôi.

Nó giống như động mà chưa từng dời đi, giống như biến mà chưa từng thay đổi. Không đổi, không dời, gọi là tịch nhiên bất động là phải, gọi là vô tư vô lự là phải, gọi là không nhanh mà mau, không đi mà đến là phải. Ấy là

cái chí động của thiên hạ, cái chí u thâm của thiên hạ vậy.

Ta chưa thấy trời, đất, người là ba vậy. Ba là hình, một là tính vậy. Nói rằng Đạo lại nói rằng Dịch, danh hiệu khác nhau mà cái thực thì là một thể vậy.

Lục Tượng Sơn chỉ lấy chữ vũ trụ mà khai ngộ các học giả, chứ không nói vũ trụ với bản tâm của ta quan hệ với nhau là thế nào? Ông chỉ xướng lên điều đó rồi để cho học giả tự lý hội lấy mà hiểu. Dương Tử Hồ mới diễn rõ cái nghĩa vũ trụ với lý và tâm tại làm sao mà nói là một.

Từ Hồ đem thẳng cái tư tưởng vào cõi siêu vật, mà cho các hiện tượng ở trong vũ trụ không ra ngoài được cái tâm của ta. Ngoài cái tâm ra thì không biết được có gì hay không. Ta cảm súc với ngoại vật là do ở các giác quan, nếu các giác quan chỉ cho ta biết những cái ảo tưởng mà thôi, thì ta lấy gì là quyết chắc những ngoại vật xác thực là có? Có một điều không thể chối không được là ta có cái tâm, làm cho ta có sự tư tưởng, có sự hiểu biết. Dầu trời đất và vạn vật không phải như là ta đã biết, mặc lòng ta có cái tâm để tư tưởng đến những điều ấy là cái có thật rồi. Cái tâm của ta đã có, trời đất và vạn vật phải có, mà trời đất và vạn vật cùng với cái tâm của ta là một ý vậy.

Đó là cái tư tưởng cao siêu của phái tâm học đời Tống, dầu triết học nào theo con đường ấy, thì điều đó cũng phải dừng lại vậy.

(Trích trang 188-190 Nho Giáo Quyển Hạ của Trần Trọng Kim)

9. ĐẠO CAO ĐÀI LÀ BÌNH TỊNH THỦY

(Trích nơi lời thuyết minh của Đức Hộ Pháp nơi Hội Nhơn Sanh năm Tân Mão (1951))

..... Ban sơ, sau buổi đồ lưu, Bản Đạo trở về cố quốc, thấy tình hình nước nhà ở trong một tấn tuồng không thể tưởng tượng được. Chủ quyền của nước thì không có, giặc giả chiến tranh tàn phá. Lúc đó nước ở trong tình trạng: Chánh thể quốc gia tiêu hủy; hai dân tộc đang gây hấn chiến tranh, nhân dân thống khổ trong vòng binh cách. Hai lý tưởng chia rẽ thiên hạ làm đôi đường, chiến đấu đặng giành giật chủ quyền. Nước nhà vô chủ để mặc cho ai đồ vương định bá.

Bản Đạo nhận thấy muốn giải quyết tình thế thì phải dùng tâm Đạo và tinh thần cương quyết mới mong định vận mạng của nước nhà. Huống chi Đạo Cao Đài là Bình Tĩnh Thủy dục tắt hết lòng phàm, xa vòng danh lợi quyền thế, tránh những điều ham chuộng thường tình. Bản Đạo nói thật, Bản Đạo rất ghét ghê điều ấy, mà cả con cái Đức Chí Tôn cũng thế.

Muốn giải quyết được dung hòa tất cả thì không phải một cá nhân đối với một cá nhân mà lại cả một quốc dân nầy với một quốc dân nọ. Muốn hòa giải một chủng tộc với một chủng tộc là việc chẳng phải dễ. Hai nước Pháp Việt phải dung hòa để cùng sống trong hạnh phúc. Bản Đạo nhận thấy cái năng lực ấy, nếu không có bàn tay Thiêng Liêng giúp sức thì không một ai làm được.

Bản Đạo nói cho đúng thì chỉ có Đạo mới làm đặng và đã thực hiện đường lối ấy mà thôi. Có đủ bằng cứ hiển nhiên, chúng ta có thể hãnh diện ở buổi tương lai tốt đẹp. Và một ngày kia để lại được một trang sử vẻ vang không thẹn với các tôn Giáo khác đương quyền Giáo Đạo.

Nhưng lạ gì cái tuồng đời, duy có những kẻ không làm nên gì hết thì không ai trích điểm, vì có làm gì đâu

mà có nên có hư, trống trơn vậy thôi thì có gì mà trích điểm. Chúng ta có làm thì lẽ cố nhiên chúng ta phải gặp việc nên hư, phải quấy, ấy là lẽ thường. Chúng ta vì có làm nên chúng ta phải bị trích điểm và chúng ta biết cầu cho thiên hạ trích điểm.

Giờ phút này Bản Đạo nói về Đạo Cao Đài đối với tương lai vận mệnh của nước Việt Nam chúng ta. Đạo Cao Đài đã trọn phận của nó là đeo đuổi theo cái tinh thần Đạo đức. Bản Đạo nói: *“Nó là Quốc Hồn nước Việt Nam, mà Việt Nam vì chủ nó không được, nó lại là tinh thần và tín ngưỡng của toàn nhân loại, tức nó phải chịu dưới quyền Quốc Tế”*.

Ấy vậy Thánh Thể của Đức Chí Tôn hay nói là Hội Thánh, thay thế hình ảnh cho Ngài, tỳ như đứng về mặt khách quan, khi thấy điều bất chánh, bất bình của nhân quần xã hội, nên phải đảm đương, đem chơn lý và công bình nêu trên mặt thế mà thôi.

Đạo làm giùm phận sự tạo thế cho đời, mà sự làm ấy rất nên đặc lực, hay là nói rõ: Đạo đảm nhiệm phận sự của mình với cử chỉ vô thân vô vị.

Đó là nói về việc chánh trị tổng quát của Đạo.

10. GƯƠNG CHỮA RƯỢU

Vua Thụy Điển Charles XII, ngày nọ trong cơn say túy lúy, cư xử vô lễ với Hoàng Thái Hậu của ông. Bị xúc phạm nặng, Hoàng Thái Hậu bất mãn, ưu sầu ở mãi trong phòng tư không buồn ăn uống, giao thiệp. Ngày sau Charles XII tỉnh rượu biết lỗi, tìm đến bà để tạ tội. Ông nói: *“Thưa Bà, cháu vừa biết hôm qua cháu vô lễ với*

Bà, cháu tuyên bố rằng lần uống rượu hôm qua là lần chót của cháu”.

Charles XII coi lời hứa này là danh dự, ông giữ suốt đời. Thật là một gương sáng về đức tiết độ, giữ chu toàn đức tiết độ thì có gì quý bằng.

Nó tỏ ra con người cao hơn thú ở chỗ chế ngự những dục vọng thấp hèn. Nhưng bởi bản tánh con người là yếu đuối nên sự sa ngã không phải lạ lắm, cần thiết là nhận lỗi và thực hiện.

Charles XII là tấm gương cho những ai sa đà trong cảnh đời bê tha vì nhan sắc, rượu trà, cờ bạc, nha phiến...

(Trích trang 85-86 Thuật Sống Đúng của Hoàng Xuân Việt)

11. ĐÀO TẠO CHỨC SẮC THIÊN PHONG

(Trích bài thuyết minh của Đức Hộ Pháp trong buổi khai mạc Hội Nhơn Sanh ngày 30-8-Tân Mão (1951)

...Việc đào tạo Thiên Phong Chức Sắc không phải là quyền của Hội Thánh, mà cũng không phải quyền của Đức Chí Tôn. Quyền Chí Tôn chỉ giao phó phận sự cho toàn con cái của Ngài. Đức Chí Tôn đến lập Đạo để quyền Vạn Linh là quyền con cái của Ngài mạnh hơn quyền Ngài. Quyền Chí Tôn là quyền của một ông Cha chỉ để chung hòa các con cái của Ngài chớ không phải để trị. Có trị chẳng là quyền Vạn Linh đó vậy.

Việc đào tạo Chức Sắc là quyền sở hữu của Vạn Linh. Thoảng như Bản Đạo nói: *“Nếu Chức Sắc trong Thánh Thể Chí Tôn thiếu thì Bản Đạo đổ cho tại quyền Vạn Linh bất lực”.*

Bản Đạo nói do quyền Vạn Linh thì việc đào tạo Chức Sắc do quyền Vạn Linh định đoạt, chớ học Đường, Hạnh Đường lập ra trọng yếu là để tạo Hiền Tài mà thôi. Chỉ có con đường chân lý của Đạo mới đào tạo cái đức cho họ.

Người muốn lập thân danh, phải lập đức, lập công, lập ngôn.

Lập Đức thì phải nhờ Đạo lý.

Lập công thì phải phụng sự cho nhơn sanh.

Lập ngôn thì phải để hết trí óc tìm hiểu về Triết học, tinh thần tìm tòi mọi lẽ cao sâu để thuyết minh chánh Giáo.

Học đường là nơi con người học hỏi để lập ngôn. Lập đức thì do đường Đạo lý. Lập công do quyền Vạn Linh định đoạt.

Người biết dùng 3 đường trên đây thì nên, còn không thì chịu mai một và do quyền Vạn Linh biết dùng họ thời họ mới lập công với Đạo được.

12. KINH DỊCH LÀ MỘT THÁNH KINH

Kinh Dịch đã hoàn thành và được coi như một Thánh Kinh (livre sacré), chẳng khác gì Thánh Kinh / Bible của Thiên Chúa Giáo hoặc Koran của Hồi Giáo. Đó là bộ sách có nội dung đa dạng.

Trịnh Tiễn nói trong bài Thông Chí Tổng Tự: Dịch tuy chỉ là một bộ sách nhưng có đến 16 môn học: có truyện học, có phép học, có đồ học, có số học, có sấm vĩ học...làm sao mà nói cho hết các môn học của Dịch được.

Cụ Nghè Ngô Vương Đình (Việt Nam) cũng giới thiệu cái nội dung đa diện của Kinh Dịch: “Kinh Dịch, một bộ sách trải với 4 vị Thánh mới hoàn thành, thật vĩ đại thay. Nghĩa của Quái Hào, Thoán Tượng đủ thì tình của trời đất vạn vật hiện. Lấy cái việc thuận tính mệnh để thông hiểu cái cơ u minh, xét đến cùng tận cái tình của sự vật để biểu thị cái đạo thay vật thành vu, sách Dịch quả rộng lớn, đầy đủ hết thảy, không có gì là không bao gồm. Hậu thế tuy có kẻ làm Dịch nhưng thực ra chẳng hề thêm gì hơn được.

Thật là một nội dung phong phú, cái nội dung phong phú này, không những giúp mọi người tìm hiểu được vũ trụ mà còn biết rõ cả nhân sinh. Cho nên theo Trương Hành Thành Kinh Dịch là một tác phẩm đáng đọc, cần học. Ông nói: *“Chẳng học dịch thì làm sao mà biết được đầu mối của tạo hóa. Dịch thông thì vật lý tự thông, chưa bao giờ có kẻ bất thông dịch lý mà có thể thông vật lý được”*.

Học Dịch là một điều cần, cho nên Khổng Tử đọc Dịch đến nổi lễ sách 3 lần dứt, đó là cố ý muốn học cho kỹ được, kỹ hiểu; và cũng như tính ham đọc dịch để am hiểu tường tận nghĩa lý cao siêu của Dịch, nên Ngài mới sáng tác Dịch Truyện.

Ban Cố có nói: *“Khổng Tử đã già mà vẫn còn ham Dịch. Ngài đọc Dịch lễ sách dứt 3 lần mới làm truyện”*.

Nội dung càng phong phú thì công dụng càng đa diện. Công dụng càng đa diện thì sách vở bàn về dịch càng phiền tạp và hệ thống truyền thừa càng chi ly. Bản mục lục Tứ Khố Toàn Thư thời Càn Long kể có ít ra là 1.450 bộ Dịch. Đó là mới kể số tác phẩm ở Trung Hoa cho đến thế kỷ thứ 18 mà thôi. Còn ở Việt Nam, Nhựt Bốn, Cao

Ly, Mông Cổ, Mãn Châu...nói chung những quốc gia cũng đồng chủng đồng văn với Trung Quốc, biết bao nhiêu bộ Dịch nữa đã được sáng tác để luận về Dịch, mục đích phát huy ý nghĩa của Kinh Dịch.

Gần đây, khi Tây Phương tiếp xúc với Đông Phương, học giả của họ đã khảo cứu Kinh Dịch và đã phiên dịch ra tiếng họ để phổ biến học thuật Đông Phương. Những học giả nổi danh về việc dịch bộ kinh này ta có thể kể: Richard Wilhelm, Charles de Harlez, P. Regis, Jame, Legge, P.L, F Philastre, C.G. Yung, Rev. Canon, MC. Chachie. Trên thế giới này hỏi có mấy bộ sách được nhiều người chú ý tới và được phổ biến rộng rãi như vậy.

Kinh Dịch nhờ ở công dụng đa diện nên từ đời Hán trở về sau mang nhiều sắc áo khá tân kỳ. Phó Lê Phát tóm lược như sau: *“Ở đời Tây Hán, Mạnh Hỷ lập nên thuyết âm dương tại vị bịa ra chuyện Thấy mình là Điền Sinh khi chết đã truyền lại cho Dịch học. Đến cuối đời Đông Hán, Ngụy Bá Dương lấy thuyết của Mạnh và Kinh, tham bác thuật của phương sở Đạo gia để trước tác Châu Dịch tham đồng khế Dịch do đó trở nên thuật luyện đan của Đạo gia. Giữa lúc giao thời Ngũ Đại và Bắc Tống, Trần Đoàn theo thuyết của Ngụy Bá Dương diễn “Thiên Địa Tự Nhiên Đồ” rồi truyền cho Thiệu Ung. Dịch bỗng biến thành Tượng Số Học.*

Trên đây mới nói những biến thái quan trọng và đặc biệt của Kinh Dịch tùy thuộc ở công dụng đa diện của nó, chớ chưa đề cập đến hệ thống truyền thừa dịch lý của người xưa sau khi Khổng Tử đã hoàn thành Châu Dịch....

(Trích trang 114-117 Kinh Dịch với Vũ Trụ Quang Đông Phương của Nguyễn Hữu Lương)

13. QUẢ CÀN KHÔN BỊ CHÁY (1932)

Chiều ngày mùng 8 tháng giêng năm Nhâm Thân (1932) độ 20 giờ, cây đèn manchon đốt để trong quả Càn Khôn ở Bát Quái Đài phục cháy thì hai vị chăm sóc vụ đèn là Hồ Văn Lâu và Nguyễn Văn Biện và Bảo Thế Văn Thăng Trà lên chữa. Nguyễn Văn Biện và Trà bị phỏng nặng phải chở đi nhà thương Tây Ninh. Sau khi chữa xong thì quả Càn Khôn bị cháy chỉ còn lại Thiên Nhân và mấy vì sao gần đó thôi. Tối lại cầu cơ, Đức Chí Tôn giáng cho bài bát cú:

*Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Chuộc đời luân chuyển thể cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương khí,
Ruộng rẫy phố phường lộ móc meo.
Sắc tướng âm thanh tua giảm bớt,
Thêm đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Thanh trị hưng vong đã lỗ vèo.*

14. CHÂU TRI SỐ 36

Tòa Thánh ngày 28 tháng 10 Tân Mùi (7 Décembre 1931)

Chư vị Thiên Phong Đâu Hộ Đạo.

Chư vị chư Thánh Thất và chư Đạo Hữu Lương Phái.

Ngày đại lễ giáng sanh Thánh Chúa Jésus Chris đã hầu đến. Vậy các tiểu Thánh Thất phải mở cửa đặng hành đại lễ ấy cho long trọng trong đêm 24 Décembre 1941 tới đây.

Các nhà tư của chư vị Chức Sắc Thiên Phong, chư

Chức Việc và chư Tín Đồ các nơi, đêm 24 Décembre phải thành tâm cầu nguyện cùng người, dâng cho thiên hạ đặng hòa bình, đại đồng thể giới hưởng trọn ân người cứu chuộc.

Đêm ấy phải thắp đèn tỏ dấu kỷ niệm ngày người giáng thế. Dầu nhà tư hay trong Thánh Thất phải làm theo bí pháp sau đây:

Tại nhà riêng thì ông cha, còn tại Thánh Thất thì một vị Chức Sắc nào lớn hơn bắt hành pháp. Phải liệu trong nhà mấy người, kể toàn con cái và tôi tớ, còn trong Thánh Thất thì mấy mặt Chức Sắc tín đồ, mà mua bánh mì và rượu chát đỏ. Phải lựa rượu chát y chớ đừng dùng thứ nào có men. Đem rượu và bánh mì để vọng trước mặt Thánh Chúa. Khi đem lên để vọng thì nhớ niệm câu nguyện:

“Đây là tinh khí của Cứu Thế”

Chừng cúng Đại Lễ rồi thì phải dọn một nơi dự yến theo phép thường tình, song nhớ kỷ đừng để có số 13 dự tiệc.

Đoạn biểu 2 vị Lễ Sanh hầu vị Thiên Phong bái lễ đủ 3 lạy rồi thì xong hương tay, rồi bưng mâm bánh mì đưa cho một vị Lễ Sanh đứng bên hữu, rồi cũng bưng mâm rượu mà đưa cho vị Lễ Sanh bên tả. Nhưng không có Lễ Sanh thì dùng Lễ Sĩ nhưng buộc phải bận quần áo cho tinh vi khử tục.

Rượu chát thì để y hiện trong ve chai, song trước khi đem lên vọng nơi Thánh vị thì phải mở nút ve ra hết, khi thỉnh Thánh Thể và Thánh Huyết, nghĩa là bánh mì và rượu chát ấy đã biến hình rồi thì hoàn tất Đại Lễ thì phải để cho ngay chính giữa tiệc.

Thiên Phong hành pháp mặc Đại Phục ngồi ngay đoạn giữa của tiệc, rồi mời cả thầy ngồi chung quanh theo, chẳng kể chức phận nhỏ lớn chi cả, đoạn đặt tay lên trên mâm bánh mì và để tâm thần vào đó cầu nguyện lớn lên rằng: *“Này là thịt của Thánh Chúa Jesus Christ đã ban cho chúng tôi ăn, hưởng và nhờ người chịu cứu chuộc loài người”*.

Rồi lại đặt tay lên miếng ve rượu cũng làm như vậy, nhưng lại nguyện rằng: *“Này là máu của Thánh Chúa Jesus Christ đã đổ ra đặng chuộc tội cho loài người, mà người đã ban cho chúng ta uống đặng hằng sống nơi cõi Thiêng Liêng, hầu tưởng ơn người yếu trọng*.

Khi hành Pháp rồi thì bẻ bánh mì, mà phải phân phát cho đủ mỗi người một chút, còn rượu thì cũng ban cho mỗi người đặng uống.

Đêm ấy phải vui mừng thung dung ăn uống đặng tỏ dấu vui mừng cho đời nhờ hồng ân Chí Tôn cứu chuộc.

Nay kính

Thượng Đầu Sư Quyền Giáo Tông

THƯỢNG TRUNG NHỰT

15. ĐÁM MA TRANG TỬ

Khi Trang Tử hấp hối, các môn đệ tại hội bàn tén dọn đám ma lớn. Trang Tử cho là nghịch lý tưởng đời sống của mình. Ông kêu môn đệ nói: *“Quan quách chôn ta là trời đất, hai vầng nhật nguyệt là hai hòn ngọc bích, tinh tú là bảo thạch, vạn vật là đồ lịm. Đám ma ta như vậy là đủ rồi”*.

Câu chuyện này nói ken tinh thần gợn dạn của Thánh

Nhân. Đó là tinh thần thoát tục của con người sống ở đời mà không nô lệ những phiền toái của đời. Đức tánh mà người siêu thoát thực hiện để tạo hạnh phúc cho mình là đức đơn giản.

(Trích trang 142 Thuật Sống Đúng của Hoàng Xuân Việt)

16. BƯỚC QUA 7 LÒ LỬA

Tô Đông Pha là bạn của Phật Ấn có 7 người thiếp. Ngày nọ Phật Ấn nói chơi với Tô Đông Pha: “*Bác có nhiều thiếp, xin nhường cho tôi cô thứ 7 đi*”. Tô Đông Pha cười đồng ý.

Về nhà Tô Đông Pha báo tin ấy cho người thiếp và tối đến ông cho xe đưa cô sang nhà Phật Ấn.

Phật Ấn tiếp cô cho vào buồng.

Ông bước ra đặt 7 cái lò trước buồng rồi suốt đêm bước qua cái này đến cái khác, đến chùng sáng ông cho xe đưa cô thiếp trả lại Tô Đông Pha. Ông nãy nghe cô thuật lại đầu đuôi công việc, hiểu ý Phật Ấn cảnh cáo mình là hiểu sắc, còn ông thì đi trên sắc dục như bước trên 7 cái lò lửa đó.

Đọc câu chuyện này ta cảm phục lòng tự chủ của Phật Ấn. Ông gặp cơ hội hành ác mà trấn áp bản năng tình dục. Quả thực ông là người chí khí, biết điều khiển các thị dục của mình vào bực thấy.

(Trích trang 51 Thuật Sống Đúng của Hoàng Xuân Việt)

17. LONG MÃ-LINH QUI (LONG ĐỒ-QUI THƯ)

Long Mã là một con ngựa giống như rồng. Nói Mã đồ tức là nói chuyện con Long Mã mang tấm đồ xuất hiện trên sông Hà thời Phục Hy. Về sau khi Đế Nghiêu lên ngôi, Long Mã lại xuất hiện mình xanh mà vằn đỏ có mang sách mệnh của Trời ban cho nhà vua để trị thiên hạ, trong đó ghi rõ việc hưng vong.

Linh Qui là một con rùa thiêng; thiêng vì người xưa thường dùng nó vào việc bói toán có tính cách Thiêng Liêng huyền nhiệm. Và Qui Thư tức là Lạc Thư. Theo sách *Quý Môn Ngữ Tổng Qui* thì con Long Mã cao 8 thước 5 tấc (thước Tàu), xương cổ dài, cánh bên phải nhúng xuống nước mà không ướt, trên đó Thánh Nhân để bức cổ đồ (tấm đồ xưa). Long Mã xuất hiện trên sông Mạnh Hà còn gọi là Mạnh Đốc thuộc Huyện Vũ Tiến, Tỉnh Giang Tô Trung Hoa. Những tài liệu của Từ Nguyên trên đây tỏ ra khá tỉ mỉ, khá đầy đủ và rõ ràng. Nhưng thực ra xuất xứ của Đồ Thư vẫn bao trùm bí mật và hoài nghi. Bởi vậy nhiều cuộc bàn cãi sôi động của Tiên Nha càng ngày càng gây thêm hào hứng. Nhiều bộ sách cổ từ đời xưa được lôi ra để chứng minh những xuất xứ lạ kỳ quái đản. Mâu thuẫn càng tăng, dị biệt càng lắm thì bí mật càng thêm bí mật.

Sách *“Tổng Ngữ Phù Thủy Chí kể rằng”*: Khi vua Vũ quan sát sông Hà để trị thủy, thấy một người mình cá rất dài xuất hiện. Người này nói: Ta là Hà Tinh đây! Nói xong trao Hà Đồ cho vua Vũ, bàn việc trị thủy xong bèn lui xuống vực sâu.

Sách *“Vý Thư Phần Xuân Thu”* thiên Nguyên mệnh bảo: “Vua Nghiêu ra chơi 2 sông Hà, Lạc thấy một con

rồng đỏ mang tấm Hà Đồ xuất hiện.

Sách “*Thương Thư Trung Hậu*” không bảo vua Nghiêu, vua Võ mà bảo vua Thuấn đến Hạ Tắc thì thấy con rồng vàng mang đồ xuất hiện.

Sách “*Luận Ngữ Sấm Ngôn*” lại bảo: Khi cả 2 vua Nghiêu và Thuấn cùng đi chơi tới sông Hà và núi Thủ thì thấy 5 ông lão báo cáo cái ngày con Long Mã ngâm tấm đồ xuất hiện. Đến sách Hà Đồ, Phiên Đinh Tứ Phục thì Nghiêu, Thuấn, Vũ đều không phải cả mà lại là Hoàng Đế. Sách này nói Thiên Lão tâu với Hoàng Đế: Sông Hà có Long Đồ, sông Hạc có Qui Thư. Nhà vua nghe lời ra chơi sông Thủy Qui thấy con cá lớn xuất hiện, khi cá lặn thì tấm đồ hiện ra...

Biết rõ được nguồn gốc Đồ Thư vốn là một điều rất lạ, rất hay và rất mong muốn, nhưng nếu không thì cũng chẳng hề gì. Điều quan trọng và cần thiết chính ở sự tìm ra sự liên hệ mật thiết giữa Đồ Thư vì ngoài Phục Hy và Hạ Vũ ra, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử đã hoàn thành được cuốn Kinh Dịch với những nguyên lý vũ trụ chân xác, những ứng dụng thực tế nối kết vũ trụ và nhân sinh là đều nhờ ở sự khám phá mối tương quan giữa 2 văn kiện này. Nhờ có Hà Đồ ta có Tiên Thiên Bát Quái. Nhờ có Lạc Thư ta có Hậu Thiên Bát Quái. Nhờ cả hai Tiên Thiên Cũng như Hậu Thiên ta phát họa đường đi của Thời Không, mô tả được cuộc diễn tiến của vũ trụ từ vô hình đến hữu hình, từ vô thủy đến vô chung mà thiết lập được “*Nền Triết Lý Động*” cho Đông Phương gồm đủ hình nhi thượng và hình nhi hạ học.

(Trích trang 77 đến trang 91 quyển Kinh Dịch Với Vũ Trụ Đông Phương của Nguyễn Hữu Lương)

18. ẢNH HƯỞNG CỦA LỄ NHẠC

Đức Hộ Pháp giảng ngày 18-7 Quý Tỵ, nhưn lễ phát Thánh Lịnh cho Lễ Nhạc Đường đi hành Đạo Nam Trung Bắc và Kim Biên Tổng Đạo.

Thưa cùng chư vị cầm quyền các cơ quan chánh trị Đạo.

Hôm nay Bản Đạo dự lễ này trọng yếu đặng mừng cho cả Chúc Sắc Bộ Nhạc lãnh sứ mạng đặng chinh đốn cả lễ nhạc y theo chơn truyền của Đạo. Các em, mấy đứa nhỏ! Thấy lấy làm vui mừng thấy cả tâm Đạo của mấy em biết chọn một con đường lập thân danh khéo léo. Qua thường nói với mấy em rằng: Nếu một nền tôn Giáo mà không có lễ, không có nhạc thì cả cái mỹ pháp của nó dẫu Lễ Pháp hay Bí Pháp cũng vậy chẳng hề khi nào đặng tốt đẹp hoàn mỹ. Qua có giảng cho mấy em vì cơ nào Nhạc là Lễ, mấy em biết khuôn khổ của Nhạc do tinh thần xuất hiện. Qua chỉ có một bằng chứng dẫu cả thầy mấy em trong Nhạc Sĩ cho đến chức lớn của Bộ Nhạc là Tiếp Lễ Nhạc Quân, mấy em cầm một cây đờn mà đờn thì không có đứa nào giống đứa nào hết, bởi cả tinh thần ra trong ngón đờn của mấy em, đó là cá nhân của mấy em đó vậy.

Ấy vậy, nhạc nó sản xuất trong tinh thần là gì? Mà tinh thần mới thiệt là Đạo. Tại sao Nhạc là Lễ?

– Lễ ngoài đời mấy em đã ngó thấy một bằng cứ hiển nhiên là khi mấy em đờn hòa cùng nhau, tuy vẫn ngón đờn của mỗi đứa đều khác, hay dờ đặc biệt, mỗi đứa đều không giống nhau, nhưng mà cái nhịp trường canh mấy em phải theo nó mà thôi. Nếu không tùng nó thì mấy em chẳng hề khi nào hòa nhạc được.

Ấy vậy trong khuôn khổ hòa với nhau ấy là Lễ. Vì có cho nên Qua giảng tiếp cho mấy em hiểu Lễ và Nhạc do âm thanh đó vậy.

Ngộ nghĩnh thay giờ phút này Qua cho mấy em biết chỉ có dân tộc Việt Nam về văn hóa Nho Tông của chúng ta mới có một cái nhạc là đều do nơi âm thanh, và điều Qua đương nói với mấy em cái kinh dinh của các sắc dân trên mặt địa cầu này. Cả các quốc dân xã hội đều nhận điều đó.

Nước Trung Hoa hay các quốc dân chịu ảnh hưởng cái văn minh tối cổ của Nho Tông, chúng ta mới có nhạc, âm thanh đó là Lễ. Bằng cứ hiển nhiên chính Qua đọc qua tờ nghị luận tại nơi Liên Hiệp Quốc, họ luận rằng: *“Nếu cả thấy các dân tộc nơi mặt địa cầu này mà đặng giữ gìn cho có Lễ cũng như nước Tàu đã được Lễ tối cổ của họ, cả những điều nghịch hẳn cùng nhau, khởi hẳn cùng nhau giữa hội nghị Liên Hiệp Quốc chẳng hề nào xảy ra, là tại họ vô lễ cùng nhau mà chớ”*. Do nơi vô lễ ấy mà hơn loại đã chịu thống khổ hai phen đại chiến hoàn cầu. Mấy em nghĩ họ vô lễ cùng nhau cho đến họ đập bàn, đập ghế ra khỏi Hội Nghị của Quốc Tế là tại do thiếu Lễ, mà Lễ là Nhạc. Qua lấy một bằng cứ rõ ràng người Pháp đã nói: *“La Musique Adoucit les Moeurs”* (Nhạc làm cho luân lý tốt đẹp dịu dàng) mà không phải một mình nước Pháp mà thôi mà cả các liệt quốc Âu Châu đều cũng nói.

Ấy vậy giờ phút này Qua ký Thánh Lịnh cho mấy em đi các nơi. Qua cốt yếu đem cái ngôn ngữ điều hòa ấy. Một ống tiêu mà Trương Lương đã làm cho tan vỡ một Đạo binh hùng trán của Hạng Võ, đánh tan nát cơ nghiệp của Sở, thâm đoạt cơ nghiệp ấy đem lại cho nhà Hớn, duy

có ống tiêu Trương Lương mà thôi.

Giờ phút này, Qua giao cho mấy em một sứ mạng làm sao cho thiên hạ nghe ống tiêu Thiêng Liêng của mấy em đặng tinh thần nòi giống của mấy em đứng dậy, định tương lai vinh quang cho mình. Với cái giọng nhạc điệu của mấy em làm cho thiên hạ thức tỉnh, diệt tiêu hết hung hăng bạo ngược, trái lại đem đến một con đường hòa hoãn, cao quý, tốt đẹp, êm dịu, đem cái Đạo đức tinh thần chiến thắng để cứu vãng sinh mạng loài người. Bởi giờ phút này họ đang đi đến con đường diệt vong mà chớ.

(Tài liệu do Hai Nhân cung cấp)

19. ĐÌNH PHU NHÂN

Bà Lê Thị Đan, người xã Thế Lại Thượng, Tỉnh Thừa Thiên, vợ một viên quan họ Đình, có gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội bị Pháp bắt. Bà nhất định không khai và thắt họng chết tại khám Thừa Thiên năm 1910.

Cụ Phan Bội Châu có làm hai câu đối:

1.– *Tấm thân trót gã giang sơn Việt,*

Tất dạ soi chung Nhật Nguyệt Trời.

2.– *Tơ nhân sợi nghĩa dây lưng trắng,*

Dạ sắc lòng son nét má hồng.

Còn dưới đây là bài thơ ca tụng khí tiết và tóm tắt cuộc đời cách mạng của Bà được lưu truyền sau ngày Bà tuẫn tiết, nhưng không biết tác giả.

Bà Trưng Triệu mở dòng liệt nữ,

Chống ngoại xâm thanh sử ghi công.

Gần đây một nữ anh hùng,

Cũng là gốc Lạc trời Hồng nẩy hoa.

*Người Thuận Hóa nếp nhà Nho Giáo,
Đình Phu Nhân tiết tháo phi thường,
Tính trầm trọng, vẻ đoan trang,
Bút hoa ham tập, quyển vàng ham xem.*

*Chông mắt sớm một niềm thủ tiết,
Nước suy vong còn thiết chi thân.
Chống thù theo gót Mộc Lan,
Liều bỏ mà học lá gan anh hùng.*

*Buổi văn thân vẫy vùng hải ngoại,
Bà tìm ông Ngự Hải xin theo,
Việc đại nghĩa dầu hiểm nghèo,
Hết lòng báo quốc, quyết liều ngày xanh.*

*Lưỡi trinh thám tung hoành sau trước,
Lọt khỏi vòng khôn được phần nào.
Bà xin tình nguyện xông vào,
Ban liên lạc với kiều bào ngoại bang.*

*Kỳ Ngoại Hầu đã sang tới Nhật,
Việc Đông Du xếp đặt qui mô,
Cơ quan tiếp tế phải lo,
Tiền tài thơ tín phó cho mặc Bà.*

*Từ Thuận Hóa lọt qua các bến,
Ghé Nghệ An rời đến Hải Phòng,
Hải Phòng sang tận Hồng Kông,
Đảng viên đã cử một ông đi về.*

Ngự Hải Ông được Bà ủng hộ,

*Trong năm năm phục vụ nên công,
Nhờ Bà nội ngoại giao thông,
Nền tài chính Đảng bổ sung được nhiều.*

*Thương phận mỏng chí kêu chênh lệch,
Với lệnh trời không địch được sao?
Năm Thân Bà bị tổng lao,
Gặp kỳ tra tấn khổ bao cực hình.*

*Trương Như Cương ham danh hại nước,
Chốn pháp đình tìm chức dụ Bà.
Rằng “Khôn thú thật thì tha,
Việc làm của Đảng nói ra cho tường.*

*Không những được khoan hồng đối đãi,
Lại còn tư cấp giải thường cho”.*
*Nghe lời gan xét ruột vò,
Mà trong chí cả ai dò mưu sâu.*

*Bà tỏ vẻ gạt đầu toại ý,
Miệng tươi cười “vâng sẽ xin thưa,
Nhưng nay đã bị đau nhức,
Nói cho gông xích xin thưa trường trình”.*

*Thơ giáng bút đêm thanh tôi nghĩ,
Những ai ai xin kể rõ ràng,
Việc trong Đảng tôi tỏ tường,
Hàng trăm đồng chí vẫn thường tới lui.*

*Nay biết chắc tha tôi tội chết,
Thời tôi xin khai hết đủ tên”.*
Họ Trương tưởng thật mừng rên,

Bèn ban lệnh xuống tháo then gông cùm.

*Trong phòng kín tối om lạnh lẽo,
Ngọn dầu hao vốc liều xót xa.*

*Một mình một bóng châu sa,
“Phu Quân đâu đấy, đón ta đến cùng”.*

*Lấy nghiên mực mài dòng huyết lệ,
Thảo một trang chữi tề quân thù.*

*Cắn tay lấy máu chép thơ,
Ba vầng tuyết mạng đến giờ còn vang.*

*Sáng hôm sau cửa buồng vạn khóa,
Trương mừng thăm vội vã vào ngay.*

*Đến khi cửa mở kinh thay!
Thần kia đã gởi đoạn dây oan tình.*

*Trương nghĩ thẹn riêng mình thấp trí,
Sái hỏa thiêu thi thể tở cung.*

*Khen thay một tấm kiên trung,
Nơi gương báo quốc soi chung muôn đời.*

VÔ DANH

*(Trích trang 122-125 Thi Văn Quốc Cấm
Thời Pháp Thuộc của Thái Bạch)*

20. RÈN LÒNG ĐẠO ĐỨC

(Trích Thánh Giáo Đức Chí Tôn đêm mừng 9 tháng giêng năm Tân Mùi (1931))

THẤY CÁC CON

Các con có biết muốn rèn lòng Đạo đức phải khởi nơi đâu cho chắc bước đường chăng?

Đạo đức cần trau nơi tâm là chỗ chẳng ai thấy được, rèn trau cho thuần tâm mỹ tánh rồi mới lần đến bề ngoài trọn hết cả ngoài lẫn trong thì chừng ấy thân hình, tâm trí chắc khư, nào ai chuyển lay cho được. Lo ngoài quên trong, che bề trong trau bề ngoài cũng như có xác không hồn, chuộng hữu hình để cho cái chơn tâm phải mịt mờ vật lạc. Than ôi! Có hình thể xương thịt mà chơn hồn phươn phất nơi xa thì cái thân vô dụng ấy trở trở như khối đá dựa đường, như khúc cây trên vực. Có đèn dầu đầy mà thiếu hơi lửa nhen lên thì cũng phải mờ mịt thâm u, trong chi soi sáng.

Ấy vậy các con nên biết mà rằng mình. Cái tâm là vật người không thấy được, khá giới trau nó trước.

Nếu bỏ tâm ra ngoài mà rèn hình thể thì chẳng khác chi qui đọc kinh, đèn đốt sáng hừng mà thiếu bức Thiên Nhân trên điện vậy. Hồn ma bóng quế cũng lên ngôi, mà ngạ qui vô thường cũng xấn bấn. Đó là phương đem đường cho Quí Vương, chẳng thể nào tránh được.

Vì các con không rèn trau tâm chí cho đáng mặt phi thường, nên lắm khi Thấy cậy kẻ khác trau giới tánh đức của các con, để cho người hiệp đáp các con, mong cho các con vì đó mà tự tỉnh. Thấy tưởng khi là quá trí của các con mà

cũng quá trí của Thầy đây nữa.

Nhưng vàng thau chung lộn, phải cây lửa trui, Thầy đã đến cõi trần tục này đem các con ra khỏi vòng tội đời xác thịt đồng thể với quỷ nhân và hóa nhân thì chính mình Thầy đây còn phải bị nhiễm trước khi thay, huống chi là các con. Vì vậy các con phải tự cứu lấy mình, Thầy mới cứu các con được dễ dàng; chứ các con cứ tự đem mình làm tội đời cho sự ham muốn ích kỷ, thì Thầy cũng không biết làm sao được.....

21. SỰ TÍCH CAO LÃNH

Du khách đến Cao Lãnh, tại trung tâm Châu Thành có một cái miếu lớn gần bằng Báo Ân Từ, trước ngõ có cổng đề “*CÂU LÃNH MIẾU*”. Bước vào thấy tấm bảng lớn ghi tiểu sử của Ông Bà Đỗ Công Tường, xin sao y nguyên bốn như sau:

“Dưới triều vua Gia Long năm Đinh Sửu (1817) ông bà Đỗ Công Tường tục danh là Lãnh, người sinh quán Miên Trung, đến lập nghiệp tại làng Mỹ Trà, Tổng Phong Thanh thuộc tỉnh An Giang (Sa Đéc). Gia tư khá, tính tình cương trực nên được giữ chức *CÂU ĐƯƠNG*) phân xử các vụ tố tụng trong làng.

“Khẩn đất hoang, ông bà trồng được một vườn quí, nơi đây thuận chỗ nên dân làng thường tụ 5 tụ 7 để mua bán và đổi chác càng lúc càng đông. Thấy cảnh nắng mưa số người bán mua không nơi trú ẩn, ông bà liền dọn cây che lãn mái lá tạm thành một cái chợ. Trong 3 năm, chợ này trở nên sung thịnh. Các tiệm buôn bên chợ Hòa Khánh tức Hòa An bây giờ, lần lần dời qua chợ Vườn Quít Mỹ Trà.

“Năm Canh Thìn (1820), tiết trời biến động, bệnh

dịch tả phát lên dữ dội làm cho làng nầy người chết rất nhiều. Đêm ngày tiếng mõ thúc, tiếng văng ngựa đánh liên hồi, tiếng kêu cứu cấp hòa lẫn tiếng khóc than, từng đám liên tiếp. Chợ Vườn Quít trở nên thưa thớt rồi vắng bặt bóng người, xóm làng phủ trùm màu thê lương tang tóc. Động lòng trắc ẩn vì tình bác ái bao la, ông bà bèn đặt bàn hương đăng giữa trời trước sân chợ, rồi đồng tâm khẩn nguyện khẩn cầu Hoàng Thiên Hậu Thổ chứng minh ông bà xin thế tử cho nhân dân và cầu cho bệnh trên mau chấm dứt để đồng bào sớm thoát khỏi cảnh đau thương. Lời nguyện nầy, ông bà chay lạc và khổ hạnh 3 ngày là từ mùng 5 tháng 6 đến mùng 8, bước qua ngày mùng 9 thì Bà lâm bệnh giặc trời và tắc hơi lối 10 giờ đêm. Đương việc tẩn liệm cho Bà thì Ông lâm bệnh. Kế đến ngày sau mùng 10, Ông theo Bà lúc 2 giờ khuya. Chôn cất Ông Bà xong thì chứng bệnh dịch tả cũng từ từ chấm dứt.

“Để tưởng nhớ sự hy sinh cáo quý của ông bà, quý vị hữu chức, các thân hào nhân sĩ và dân chúng trong làng đồng lập miếu phụng thờ lấy ngày mùng 9 và mùng 10 tháng 6 là ngày vía tử Ông Bà để tâm nguơn từ quý dâng lễ thường niên.

“Ngôi chợ Vườn Quít được dân chúng ghép tục danh chức Câu Đương của ông thành đặt thành chợ “*Câu Lành*”.

“Năm 1916, có một số đồng bào Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam đến làm ăn tại làng Mỹ Trà, chẳng may mắc phải chứng bệnh khác phong thổ. Họ đến cầu nguyện với Ông Bà xin phò hộ, được Ông Bà ứng mộng dạy: “Dùng nước trắng và cầu nguyện với ơn trên rồi cho bệnh nhân uống. Họ vâng lời thế là hết bệnh. Đồng bào

2 miễn bèn xin với Hội Miếu để thành lập hội cúng tế “Kỷ niệm ngày vía sanh của Ông Bà là ngày 16-17 tháng 3 âm lịch mỗi năm.

“Với tất lòng ngưỡng mộ và tôn kính ấy, Ông Bà Huỳnh Phước Sanh, Đại Hương Cả làng Mỹ Trà nhờ ông Đốc Phủ Sứ Lê Văn Giáp, chủ quận Cao Lãnh thỉnh cầu triều đình Huế phong Thần cho Ông Bà.

“Đến năm 1936 được chiếu lệnh phong sắc ghi công đức của Ông Bà. Dân chúng trong làng liền đặt bàn hương án cung nghinh nghe “*Chiếu Sắc*”: “*Tỉnh Sa Đéc, xã Mỹ Trà, phụng sự khai lập thị Ấp Cầu Lãnh Đổ Công Tường, tôn Thần mãn trú linh ứng, trí kim phi thừa thiêm mạng niệm Thần trước phong vị vực bảo trung hưng linh, phò chi Thần chuẩn kỳ phụng sự, Thu cộ thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân khâm tai*”.

BẢO ĐẠI THẬP NIÊN, Tứ nguyệt thập cửu nhật.

Để bảo tồn mãi mãi ngôi đền kỷ niệm của Ông Bà nên chánh quyền, quý vị thân hào nhân sĩ, Ban Tế Tự và toàn thể đồng bào đồng cúng công cúng của tiếp nối chỉnh trang để kế thế lưu dư kỷ niệm.

Ban Tế Tự kính cẩn bạch trình, khắc ghi công đức Ông Bà sử lưu xin để nhà nhà soi chung.

Mỹ Trà, ngày 7 tháng 3 năm Canh Tuất 1970 DL.

Có lẽ vì thời gian qua, thiên hạ kêu trại tiếng “*Cầu Lãnh*” nên bây giờ trở thành danh từ “*Cao Lãnh*”.

22. ĐỐI ĐẾ CHẾ LÀ LOẠN

Cứ mỗi lần đối thế chế là mỗi lần ly loạn. Chiến tranh tàn khốc gây cảnh “*núi xương sông huyết thấm đầy nơi*” (Xuyên huyết sơn hà tùy xứ hữu-Nguyễn Bình Khiêm). Tàn khốc thật! nếu chúng ta nhìn thấy những trang sử đẫm máu cổ kim.

Plutarque đã kể rằng César (Cổ La Mã) đã đánh chiếm hơn 800 thành, hàng phục hơn 300 quốc gia, chiến đấu với 3.000.000 người suốt thời kỳ chiến tranh, trong số đó 1 triệu đã chết ngoài trận địa, 1 triệu bị bắt làm tù binh. Titus còn hơn César nhiều, vì chỉ trong một trận thôi, bạo chúa này khi đánh chiếm Jerusalem, đã giết luôn một lúc 11 trăm ngàn người, nghĩa là một triệu một trăm ngàn và còn bắt làm nô lệ 90 ngàn nữa. Nhưng giết đến quí khốc thần sầu phải nói 8 cuộc Thánh chiến giữa Thiên Chúa Giáo với Hồi Giáo thời Trung Cổ. Suốt 8 cuộc chiến này không biết số chết lên tới bao nhiêu nhưng riêng cuộc thử sức đầu tiên, nghe mà phát ón! Số lính chánh qui của Thiên Chúa Giáo (chưa kể bọn thất nghiệp nghèo đói, bọn lưu manh cướp bóc thừa cơ hội kéo theo) gồm 1 triệu, thế mà khi tới Jerusalem chết gần hết, chỉ còn lại độ 40 ngàn người, phần bị quân Hồi Giáo giết phần thì khát quá mà chết.

Vì tình trạng thảm hại đó Thiên Chúa Giáo khi công phá được Jerusalem, sôi máu căm thù, tức thì trả đũa. Raymoud d’Agiles, Linh Mục nhà thờ Puy đã tả lại cuộc tàn sát như sau:

“Người ta thấy nhiều chuyện khoái mắt lắm...Người ta thấy trên đường phố và trên các bùng binh của thành

phổ những núi đầu, núi tay, núi chân. Bộ binh và kỵ binh lợi trên xác chết khắp nơi... Ở trong Điện (Điện Solomon) và ở cổng lớn, kỵ mã cỡi trên lưng ngựa mà máu lên tới đầu gối người và chấm ngang hàm thiết ngựa. Giết quá xá! Giết đến kinh tởm (affreux massacre)! Cuộc thảm sát đó theo sử gia Pháp René Crousset được gọi là vừa vô nhân Đạo lại vừa vô chánh trị. Vô nhân Đạo vì giết người nhiều quá. Vô chánh trị vì Hồi Giáo thấy khiếp quá không hàng, đánh tới cùng, nên chiến tranh cứ liên miên mãi 200 năm.

Đông Phương cũng chẳng kém: Trong trận Xích Bích, Châu Du đã dụng hỏa công thiêu rụi hàng vạn chuyến thuyền và giết sạch 38 vạn quân của Tào Tháo. Tướng Trần Hưng Đạo đã phá tan 50 vạn quân Nguyên trên sông Bạch Đằng (1.288) đến nỗi Thái Tử Thoát Hoan chui vào ống đồng trốn chạy về Tàu, sau khi quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn (Sengio Khan), của Hốt Tất Liệt (Kou bilai) đã từng chinh phục suốt từ Á sang Âu, đã từng tàn phá những chùa, những thư viện lớn rộng mệnh mông của Hồi Giáo, đã từng đâm chém tàn nhẫn đàn bà trẻ con, hàng ngàn hàng vạn và đã từng tàn phá hàng trăm thành khắp Miền Bắc Trung Quốc với những cuộc thảm sát kinh khủng chưa từng thấy.

Thực tế thành Merv bị tiêu diệt với 1.300.000 dân. Thành Ravy với 3.000 chùa (mosquées) bị sang phẳng. Baghdad với bao thư viện mệnh mông và bao kho tàng đồ sộ cũng bị tiêu diệt sạch với 800.000 dân. Nhưng chết nhiều đến phá kỷ lục, phải kể hai cuộc chiến vừa qua của thế kỷ chúng ta này: 9 triệu người (theo Landry) hoặc 13 triệu (theo Willeox) bị chết ở Đệ Nhứt Thế Chiến (1914-1918); 13 triệu lính và 14 triệu dân (theo Vicent) cộng chung

là 32 triệu người chết ở Đệ Nhị Thế Chiến (1940-1945).

Chém giết nhau quá xá như vậy là bởi đâu? Bởi lòng tham, hoặc sân, hoặc si như Phật đã nói. Tham sân si đã thúc đẩy con người hành động dã man tàn bạo. Vì lòng tham không đáy, nên người da trắng mới xâm lăng và giết chóc các dân da màu trong thời gian bành trướng chủ nghĩa đế quốc thực dân. Trên đường cathay để tìm đồ gia vị, Christophe Colomb tình cờ đã tìm ra thế giới mới. Người da trắng nhờ súng đồng tàu chiến trận lớn mạnh tiêu diệt hết dân bản xứ rồi chiếm đất đai của người làm của mình.

Họ chiếm Ấn, xâm lăng Tàu, cướp Úc, tiêu diệt quá nửa dân Châu Phi. Pháp chiếm thuộc địa rộng hơn Pháp 20 lần; Hòa Lan 60 lần, Bỉ 80 lần, Anh 140 lần. Nga cướp Tây Bá Lợi Á Mã tới Vladivostor, tóm lại 85% tài nguyên thế giới lọt vào tay non 1/3 nhóm loại thuộc da trắng, chỉ còn lại 15% chia cho 2/3 số dân thế giới còn lại thuộc da màu. Cụ thể mà nói thì khi người Mỹ có 1.880 đ, người Lào chỉ có 60 đ và người Việt chỉ có 65 đồng.

Những dân tộc nào bị tiêu diệt tệt như? dân da đỏ: Mayan, Aztec, Inca. Những giống dân này khá thông minh, họ đã biết nào thiên văn, nào toán học, nào y dược. Nhưng sau những cuộc thám sát của dân da trắng xâm lăng theo gót Chrítophe Colomb họ bị tiêu diệt hoàn toàn; nếu còn lại họa chăng chỉ còn vài ba cái tháp, cái đền hay một vài bức thành, bức tường đổ nát hoang tàn mà thôi.

Thứ đến dân da đen Châu Phi. Những dân tộc này bị tiêu diệt đến quá phân nửa. Họ chết vì bọn thực dân da trắng bắt làm nô lệ. Họ chết trong các đồn điền bông, mía, cà phê, họ chết trong các hầm mỏ. Họ chết nhiều

nhút ở Mỹ Châu và rải rác ở nhiều nơi khác. Họ bị bắt, bị bán làm nô lệ đem sang Mỹ. Đến năm 1851 con số lên tới 3 triệu người. Đời sống của họ chỉ như một con vật. Họ bị cấm không được bén mảng tới cạnh người da trắng, cấm không được mang khăn trùm đầu, không được đi xe hơi, không được ngồi trên ghế nhà thờ mỗi khi đi xem lễ Mi sa. Uất quá họ nổi dậy chống đối. Chống đối thì bị giết, bị tù đầy. Mouro LN Work giám đốc sở khảo cứu và lưu trữ viện kỹ nghệ Tuskegee kể rằng: Ở Hoa Kỳ tính đến trước cuộc cách mạng có chừng 25 cuộc nổi dậy của dân da đen. Cuộc nổi dậy bị đàn áp, kẻ thì bị thiêu sống, kẻ thì bị treo cổ, kẻ thì bị lưu đầy.

Giống da vàng tương đối đỡ chết hơn, có lẽ nhờ ở chỗ họ khôn khéo hơn hai giống kia chăng? Trong những đồn điền cao su Miền Nam nước Việt họ cũng đã bỏ xác khá nhiều, nhiều đến nỗi họ phải thốt ra lời thơ đau đớn để kỷ niệm:

*Trần gian địa ngục là đây,
Đồn điền Đất Đỏ nơi Tây giết người.*

*(Trích trang 32-35 Kinh Dịch Với Vũ Trụ Quan
Đông Phương của Nguyễn Hữu Lương)*

Viết xong ngày 16-10-Nhâm Tuất (1982)

QUANG MINH

Xin xem tiếp Quyển X

Góp Nhật CHUYỆN ĐẠO
Soạn Giả: QUANG MINH